

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		19	0	
2		AMD+VSP01	7:25	11+10	0+0		10+12	0+0	
3		P9+P10+BK5	7:25	16+4+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
4		VSP01	7:25	21	0		21	0	
5		TD5+BK9	9:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
6		AMD+TGTH5+TGTH4	9:25	12+6+3	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
7		TD3+TD5	9:25	18+4	0+0		10+12	0+0	chuyen 3 pax td3-tđ5
8		TD5+BK4 + P40	11:25	11+8	0+0		8+11+3	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

Lưu VSE



DATE: 29/06/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:29
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: MTiến - XTrường	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGÔ HOÀN	T.UNG	02-03	2	13	68	66	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG					64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	10	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	11	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIỀN VINH	T.UNG	06	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LUÔNG HOÀNG ANH	T.UNG	30	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
10	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	29	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	09	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
16	CHUCHEV A	T.UNG	07-08	2	16		84	KH-THAC	Russian
17	CAO QUANG HÙNG	T.UNG	14	1	9		118	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN BA HÙNG	T.UNG	15	1	6	37	80	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	18	113	1.328	105	19		
TOTAL		18	18	113	1.328	105	19		
WEIGHT KG				113	1.328	105			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2024	TO: AMD - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN AN	AMD	75	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH KHA	AMD	82	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	84	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	74	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC THỤ	AMD	83	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	72-73	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRẦN LIÊM	AMD	76-77	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	CHERNYWEB	VSP01	15	1	10		110	KH-THAC	Russian
13	VÔ QUANG HUY	VSP01	25-26	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	21	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	16-18	3	18		55	YTE	Vietnamese
19	NGO XUÂN ĐỨC	VSP01	19	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	23	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	22	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	13	65	788	0	10		
2	VSP01	10	12	79	748	0	12		
TOTAL		21	25	144	1.536	0	22		
WEIGHT KG				144	1.536	0			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - P10 - BK5	CREW: ĐỨC - KHÁI - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG QUANG TUÂN	P9	17	1	11	106	75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	P9	05-06	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN THĂNG	P9	07-08	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÀ	P9	02-03	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐĂNG TIỀN	P9	09	1	13		59	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH ĐO	P9	01	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ANH DŨNG	P9	13	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN THANH	P9	10	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ANH TUÂN	P9	11-12	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐO ĐÌNH LƯƠNG	P9	19-21	3	17		76	T-TIN	Vietnamese
11	PHAM CÔNG TUÂN	P9	18	1	6		57	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	14	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN THUẬN	P9	15	1	10		77	PSV	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P9	04	1	6		55	PSV	Vietnamese
15	ĐO LÊ NGỌC HOANG	P9	16	1	5		48	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÀI	P10	75	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT LY	P10	76	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	BUI QUỐC DƯƠNG	P10	73	1	12		54	PSV	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	74	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	21	177	990	106	16		
2	P10	4	4	25	284	0	4		
3	BK5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	25	202	1.274	106	22		
WEIGHT KG				202	1.274	106			

GRAND TOAL: 1.582 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2024	TO: VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KHOÀN - N.ANH - Huy	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	68-69	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HUY BINH	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	60	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN VIET ĐANG	VSP01	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC BE	VSP01	65	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN DUY BINH	VSP01	74	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THẾ CHINH	VSP01	72	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	67	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUY	VSP01	77	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	70	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY THÔNG	VSP01	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA NGOC	VSP01	66	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH THANG	VSP01	82	1	5	80	60	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH VAN THON	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN SY HIEU	VSP01	71	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HUNG	VSP01	75	1	9		70	PSV	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HUNG	VSP01	62	1	6		75	PSV	Vietnamese
20	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	61	1	10		64	PSV	Vietnamese
21	MAI CAO ĐỊNH	VSP01	76	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	19	105	1.455	80	21		
TOTAL		21	19	105	1.455	80	21		
WEIGHT KG				105	1.455	80			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2024	TO: TD5 - BK9	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - ĐANG	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
2	TRÌNH DUY THÀNH	TD5	68	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5				50	80	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN HIẾN	TD5	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	45	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ XUÂN ANH	TD5	50	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ SĨ PHỤNG	TD5	51	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN BÓN	TD5	46	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD5	67	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	54	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	62	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	VĂN ĐÌNH QUANG	TD5	60-61	2	6		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIN	TD5	55	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	TRÌNH HOÀNG KHÁNH	TD5	47	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HOÀNG LAM	TD5	63-66	4	19		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DINH	TD5	56	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ QUỐC BAO	TD5	44	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NHƯ THANH TUYẾN	TD5	57-58	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	53	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	49	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	59	1	5		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	117	1.540	50	15		
2	BK9	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		22	25	117	1.540	90	22		
WEIGHT KG				117	1.540	90			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: AMD - TGTH5 - TGTH4	CREW: XHOÀN - N.ANH - Huy	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	10	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	16	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG HỒ NGHĨA	AMD	11	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	14-15	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN BÀ	AMD	01-02	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	03	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	07-08	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	12-13	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HOÀN	AMD	05-06	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CAO TẠNG	AMD	04	1	4		76	PSV	Vietnamese
12	LÊ PHƯỚC ĐỨC	AMD	09	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	TRAN MINH KIEN	TGTH5	80	1	6		68	HLJOC	Vietnamese
14	THAI THANH THAO	TGTH5	83-84	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	77	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	81-82	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	78-79	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO LY KHANH	TGTH5	76	1	14		86	PSV	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	63-64	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VINH QUANG	TGTH4	61-62	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VĂN TRỌNG	TGTH4	65-66	2	10		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	17	106	851	0	13		
2	TGTH5	6	9	61	431	0	5		
3	TGTH4	3	6	35	194	0	4		
TOTAL		21	32	202	1.476	0	22		
WEIGHT KG				202	1.476	0			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2024	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOANG VŨ	TD3	87	1	13	90	82	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	95-96	2	20		71	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	92	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI CÔNG SƠN	TD3	93	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH HUNG	TD3	500	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	86	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	94	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	99	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH XUÂN	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
11	KARPININ ALEXEY	TD3	97	1	17		100	KHOAN	Russian
12	VÕ HỮU TÂN	TD3	84	1	8		75	DVL	Vietnamese
13	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD3	88	1	11		80	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUẬT	TD3	90-91	2	20		75	DVL	Vietnamese
15	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD3	89	1	15		68	DVL	Vietnamese
16	PHẠM TUNG VY	TD3	98	1	14		70	DVL	Vietnamese
17	VŨ MẠNH NAM	TD3	85	1	17		72	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG.	TD3	82-83	2	17		65	DVL	Vietnamese
19	HOANG VĂN QUYÊN	TD5	05-06	2	15		66	YTE	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	04	1	6		87	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ VINH CƯỜNG	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
22	BUI TÂN BÌNH	TD5	50	1	7		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	19	189	1.327	90	10	3	CHUYEN 3 PAX TD3-TD5
2	TD5	4	4	28	295	0	12		
TOTAL		22	23	217	1.622	90	22		
WEIGHT KG				217	1.622	90			

GRAND TOAL: 1.929 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Đinh VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2024	TO: TD5 - BK4 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - Thành	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD5	18	1	3	40	82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC NGHĨA	TD5	16	1	10	15	76	PVD TRAIN	Vietnamese
3	ĐỖ TRỌNG DŨNG	TD5	08	1	6		65	PVD TRAIN	Vietnamese
4	NGUYEN VĂN THĂNG	TD5	10-11	2	14		72	PVD TRAIN	Vietnamese
5	NGUYEN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	12-13	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN THĂNG	TD5	14-15	2	20		82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VĂN DŨNG	TD5	09	1	17		70	ANTOAN	Vietnamese
8	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	21	1	8		77	DVL	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH VIỆT	TD5	19,22	2	12		65	DVL	Vietnamese
10	HOANG HAI LAM	TD5	07	1	4		67	NIPI	Vietnamese
11	HỒ VĂN ANH	TD5	20,23	2	13		75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN LÊ CHIẾN	BK4	25	1	10	38	90	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	BK4	18-19	2	18		91	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HOAN	BK4	16-17	2	19		87	DVL	Vietnamese
15	PHẠM VĂN SANG	BK4	21-22	2	14		68	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HAI ĐĂNG	BK4	14-15	2	20		83	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VIỆT HUNG	BK4	23-24	2	17		65	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NGỌC BÌNH	BK4	20	1	15		69	DVL	Vietnamese
19	ĐỖ MINH HOÀNG	BK4	13	1	15		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN DONG	BK4	12	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	11	16	117	801	55	8		
2	BK4	9	14	140	696	38	11		
3	P11	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	30	257	1.497	93	22		
WEIGHT KG				257	1.497	93			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		TD1+P4	7:25	2+20	0+0		1+21	0+0	
2		PPD	7:25	22	0		22	0	
3		RP2+RP3	9:25	4+18	0+0		1+18	0+0	
4		P4+PPD	9:25	15+6	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2024	TO: TD1 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐÌNH TIẾN	TD1	97-98	2	16	40	61	PVD BH	Vietnamese
2	TRẦN THANH TUẤN	TD1	34-35	2	25		76	PVD BH	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	30	1	5		98	KHI	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	51	1	3		71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	48	1	3		69	KHI	Vietnamese
6	ĐO ĐỨC LONG	P4	50	1	3		58	KHI	Vietnamese
7	LÊ HUY CHUÔNG	P4	49	1	7		56	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	39	1	5		77	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ANH	P4	27	1	3		70	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	46	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỮU THỌ	P4	25	1	8		67	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	57	1	3		68	KHI	Vietnamese
13	ĐẶNG HUY KHANH	P4	38	1	5		85	KHI	Vietnamese
14	TẠ VĂN QUYNH	P4	45	1	6		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	26	1	6		74	KHI	Vietnamese
16	VŨ NGỌC TUẤN	P4	41	1	7		85	KHI	Vietnamese
17	LƯƠNG THANH VŨ	P4	47	1	8		82	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THANH	P4	42	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THE	P4	28-29	2	22		66	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ THANH TIẾN	P4	40	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC HOA	P4	43-44	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐO QUỐC VŨ	P4	55-56	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	4	41	137	40	1		
2	P4	20	23	144	1.453	0	21		
TOTAL		22	27	185	1.590	40	22		
WEIGHT KG				185	1.590	40			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HỒNG QUAN	PPD	70	1	4	80	78	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	83	1	4		65	KHI	Vietnamese
3	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	60	1	4		89	KHI	Vietnamese
4	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	74	1	5		57	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	85	1	10		61	KHI	Vietnamese
6	LÊ HỒNG PHONG	PPD	81	1	4		80	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	76	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	86	1	8		85	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	71	1	8		65	KHI	Vietnamese
10	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	68	1	12		61	KHI	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	77	1	4		67	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	79	1	5		82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	67	1	6		70	KHI	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC LINH	PPD	69	1	8	33	65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	84	1	4	12	57	KHI	Vietnamese
16	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	78	1	2		64	KHI	Vietnamese
17	LÊ HUY VINH	PPD	82	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	75	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	66	1	4		70	KHI	Vietnamese
20	HUYNH TÂN THANH	PPD	72-73	2	12		78	KHI	Vietnamese
21	LÊ QUANG NINH	PPD					70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG BAO NGỌC	PPD	80	1	7		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	126	1.552	125	22		
TOTAL		22	22	126	1.552	125	22		
WEIGHT KG				126	1.552	125			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2024	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG QUY	RP2	72	1	10		70	DVL	Vietnamese
2	LÊ VĂN THĂNG	RP2	70	1	12		77	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	71	1	15	60	88	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3				40	85	KHI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	82	1	5		71	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN PHÚ	RP3	80	1	3		72	KHI	Vietnamese
7	HA VAN THUY	RP3	85	1	3		71	KHI	Vietnamese
8	LÊ HOANG ANH	RP3	84	1	3		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG NAM	RP3					87	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3					63	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	71	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	81	1	3		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	83	1	10		83	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH QUANG HUY	RP3					71	KHI	Vietnamese
15	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	79	1	7		98	KHI	Vietnamese
16	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	86	1	10		77	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	RP3	69-70	2	15		66	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN ĐỨC	RP3	72-73	2	15	15	60	KHI	Vietnamese
19	VU ANH MINH	RP3	75-77	3	28		76	T-TIN	Vietnamese
20	VÔ NHẬT DUY	RP3	78	1	6		72	T-TIN	Vietnamese
21	HOANG MINH THIÊN	RP3	68	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	3	37	235	60	1		
2	RP3	18	18	118	1.329	55	18		
TOTAL		21	21	155	1.564	115	19		
WEIGHT KG				155	1.564	115			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2024	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TUNG	P4	10-11	2	12		59	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN DUY ANH	P4	04-05	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN CHUNG	P4	07	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUANG LƯU	P4	06	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LƯƠNG	P4	03	1	14		52	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ NHU HUÂN	P4	18-19	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LUYỆN	P4	20-21	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRẦN TÍN	P4	22-23	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P4	14-15	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI CÔNG HUÂN	P4	01-02	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P4	24	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN BA QUY	P4	12-13	2	21		73	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P4	16-17	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ TRỌNG LY	P4	08-09	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VĂN QUÂN (1972)	P4	53	1	3		66	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	18	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	PPD	19	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH SÂM	PPD	21-22	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH TUÂN	PPD	24	1	12		76	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	PPD	20	1	5		78	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN TRIEU	PPD	23	1	10		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	25	226	993	0	0		
2	PPD	7	7	46	494	0	22		
TOTAL		22	32	272	1.487	0	22		
WEIGHT KG				272	1.487	0			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN